

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tuyền
2. Bà Nguyễn Thị Sâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2022, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Khu P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2- **Bị đơn:** A **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Khu P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và A Nguyễn Tuấn A tự nguyện kết hôn với nhau ngày 24/11/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ anh A tại khu P, thị trấn C, sau đó vợ chồng đi làm thuê tại tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống,

vợ chồng hòa thuận được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 2 năm 2022 đến nay, chị M về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xã Y, huyện C ở và vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Việt H, sinh ngày 14/8/2011 và Nguyễn Khánh V, sinh ngày 17/7/2013. Hiện 02 con chung ở cùng chị M. Nếu ly hôn, chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ 1 con chung/ tháng.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2022, bị đơn là anh Nguyễn Tuấn A trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị Nguyễn Thị M đã trình bày. Nay chị M đề nghị ly hôn, anh A không đồng ý, vì muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị M đã trình bày. Hiện 02 con chung ở cùng chị M. Nếu ly hôn, anh A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Việt H, sinh ngày 14/8/2011 và Nguyễn Khánh V, sinh ngày 17/7/2013 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đồng/1 con/1 tháng, tổng cộng là 2.000.000đồng/2 con/tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh Nguyễn Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả đánh giá đầy đủ và toàn diện tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình” và nơi cư trú bị đơn là thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh A bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy, vợ chồng chị M và anh A chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, dẫn tới thường nói cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng tháng 2/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Anh A không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh A không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án thông báo nhưng anh A vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải. Điều này chứng minh anh A không thực sự quyết tâm mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nên đề nghị của anh A là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy hai bên đều có chỗ ở, nghề nghiệp, thu nhập. Tuy nhiên, 02 con chung đã trên 07 tuổi, đều có nguyện vọng muốn được sống cùng chị M và kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, 02 con chung đã được chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bảo đảm đời sống sinh hoạt, học tập của con chung. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc anh A đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung là không có căn cứ chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo anh A trình bày thì thu nhập hàng tháng của anh A là 8.000.000 đồng nên việc chị M yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng/1 con/1 tháng, tổng là 2.000.000 đồng/ 02 con chung/ tháng là phù hợp, cần phải chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị M và anh A không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung là Nguyễn Việt H, sinh ngày 14/8/2011 và Nguyễn Khánh V, sinh ngày 17/7/2013 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đ (Một triệu đồng)/ 1 con chung/ 1 tháng, tổng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 02 con/ 1 tháng, kể từ tháng 10/2022 đến khi 02 con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

2.2. Anh Nguyễn Tuấn A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007889 ngày 13/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Chị M đã nộp đủ án phí).

Anh Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND TT C;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thắng